Nếu như khoa học sử dụng những khái niệm, định nghĩa để thể hiện mìnhthì nghệ thuật lấy hình tượng để diễn tả, tái hiện đối tượng, nội dung mà nó đề cập.Khái niệm hình tượng nghệ thuật từ lâu đã không còn xa lạ với những ai đã từng tiếpxúc với bất cứ loại hình nghệ thuật nào như: văn học, hội họa, điêu khắc, ca kịch,…Người nghệ sĩ dùng hình tượng nghệ thuật để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thểhiện tư tưởng và tình cảm của mình, nhờ những hình tượng đó mà sự vật hiện tượngđược tái hiện một cách sinh động nhưng đồng thời cũng nhờ nó mà cái tâm, cái tàingười nghệ sĩ được thể hiện một cách tròn đầy và vẹn nguyên nhất.

**1. Nguồn gốc khái niệm hình tượng nghệ thuật**

Xuất hiện manh nha cách đây hơn hai nghìn năm, hình tượng nghệ thuật được hiểu đơn giản là cách mô phỏng thế giới khách quan. Các nhà triết học cố đại Hi Lạp – tiêu biểu là Platon và Aristotle đã chú ý đến tính chất nổi bật này của tác phẩm nghệ thuật. Họ gọi nghệ thuật là sự “mô phỏng tự nhiên”. “Tự nhiên” được hiểu là toàn bộ thế giới thực tại gồm: tự nhiên và xã hội. Còn khái niệm “mô phỏng” là khả năng của nghệ thuật trong việc tái tạo lại các hiện tượng riêng lẻ ấy bằng các loại hình nghệ thuật. Điều đó cho thấy, ở thời cổ đại, mặc dù chưa có khái niệm hình tượng, song trên thực tế người ta đã hiểu rằng nghệ thuật tái hiện, tái tạo cuộc sống bằng hình tượng.

Sau này, Hegel – nhà triết học người Đức, người sáng lập ra chủ nghĩ suy tâm Đức, cũng chia nhận thức của con người ra làm ba nhóm: triết học nhận thức bằng khái niệm; tôn giáo nhận thức bằng biểu tượng còn nghệ thuật nhận thức bằng hình tượng. Còn Beilinski – nhà tư tưởng Nga nổi tiếng thể kỷ 19 thì phân biệt cụ thể hơn, ông cho rằng: “Nhà triết học nói bằng phép tam đoạn luận, nhà thơ nói bằng các hình tượng và bức tranh… Nhà kinh tế chính trị được võ trang bằng cách số liệu thống kê để tác động đến trí tuệ của người đọc và người nghe […] Nhà thơ được trang bị bằng sự miêu tả sinh động, đậm nét về hiện thực, tác động vào trí tưởng tượng  các độc giả của mình, phơi bày trong một bức tranh […] Người này chứng minh, người kia phơi bày và cả hai đều thuyết phục, chỉ có điều người này thì bằng các luận chứng logic, còn người kia lại bằng những bức tranh”.

Dù sống ở các thời khác nhau với những cách diễn đạt khác nhau song những tư tưởng lớn vẫn gặp nhau và thống nhất khi chỉ ra phương thức phản ánh đặc thù của nghệ thuật đó là hình tượng. Cho đến này, tư tưởng ấy vẫn giữ nguyên được tính đúng đắn của nó và thực tế đã chứng minh: tính hình tượng được xem là nét đặc trưng chung, đặc trưng chủ yếu của tất cả các loại hình nghệ thuật.

**2. Khái niệm hình tượng nghệ thuật**

**a. Khái niệm hình tượng nghệ thuật nói chung**

Tìm hiểu về hình tượng nghệ thuật, trước hết phải hiểu hình tượng nghệ thuật bắt nguồn từ một loại tư duy đặc biệt: tư duy hình tượng – một trong ba loại tư duy : tư duy hành động – trực quan; tư duy khái niệm – logic và tư duy hình tượng – cảm tính.

Tư duy hình tượng – cảm tính: này sinh trên cơ sở tiếp xúc trực tiếp với đối tượng. Nó tái hiện đối tượng một cách toàn vẹn những không thoát li đối tượng mà gắn liền với những đặc điểm cụ thể, cá biệt, sinh động về đối tượng để qua đó mà bộc lộ cái khái quát. Loại tư duy này bao hàm cả thái độ đánh giá chủ quan của chủ thể. Nghệ thuật tái hiện và khái quát cuộc sống dựa trên cơ sở của loại tư duy này. Nói một các cụ thể, nghệ sĩ xây dựng nên hình tượng nghệ thuật dựa trên cơ sở các loại tư duy hình tượng – cảm tính, và hình tượng nghệ thuật chính là sự biểu hiện những quan niệm khái quát về cuộc sống dưới hình thức cụ thể, cảm tính như hình thức của bản thân đời sống.

Như vậy, hình tượng nghệ thuật là phương tiện đặc thù của nghệ thuật nhằm phản ánh cuộc sống một cách sáng tạo, bằng những hình thức sinh động, cảm tính, cụ thể như bản thân đời sống, thông qua đó nhằm lí giải, khái quát về đời sống gắn liền với một ý nghĩa tư tưởng, cảm xúc nhất định, xuất phát từ lí tưởng thẩm mĩ của nghệ sĩ. Mỗi hình tượng là một tế bào góp phần làm nên tác phẩm nghệ thuật, trong đó chứa đựng nội dung cuộc sống, những thông tin về đời sống, những quan niệm, tư tưởng, cảm xúc của tác giả.

**b. Khái niệm hình tượng nghệ thuật trong mĩ học**

Trong mĩ học, hình tượng nghệ thuật được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp:

-Nghĩa rộng: chỉ đặc điểm chung về phương thức phản ánh đời sống của tất cả các loại hình nghệ thuật, để phân biệt nghệ thuật với khoa học và các hình thức ý thức xã hội khác.

-Nghĩa hẹp: khái niệm hình tượng được dùng trong phạm vi tác phẩm, chủ yếu là hình tượng cụ thể về một con người; một tập thể người; một con vật, đồ vật hay một cảnh sắc thiên nhiên, một cảnh sinh hoạt lao động thường ngày,…   Tất cả mọi thứ dù tầm thường nhất khi đi vào nghệ thuật đều có thể trở thành hình tượng một khi nó mang trong mình những quan niệm sống, những trải nghiệm cuộc đời, những triết lý nhân sinh sâu sắc.

Để mỗi hình tượng được tái hiện và tồn tại, người nghệ sĩ phải sử dụng những phương tiện vật chất cụ thể như: ngôn từ (văn học), âm thanh (âm nhạc), màu sặc, đường nét (hội họa), lời nói, hành động (sân khấu),… Đằng sau lớp vỏ vật chất ấy là một thế giới đời sống muôn hình muôn vẻ gắn liền với vô vàn những cung bậc cảm xúc, tình cảm nghệ thuật mà người tác giả gửi gắm. Mỗi tác phẩm nghệ thuật không chỉ đơn thuẩn mô phỏng lại thế giới khách quan qua con mắt tinh tế, nhạy cảm của người nghệ sĩ mà nó còn mang trong mình những thông điệp đẹp đẽ về tư tưởng, triết lý sống, những bài học hay, những kinh nghiệm quý giá do chính tác giả trải qua và chiêm nghiệm, rút đúc từ cuộc đời mình. Bởi vậy mà khi nhìn vào một tác phẩm nghệ thuật, người ta có thể đánh giá được cái tài, cái tâm của người nghệ sĩ sáng tác ra nó. Nhờ đó, khi khám phá nghệ thuật, người ta không những được cảm thụ, thưởng thức cái đẹp, được tiếp cận với nguồn tri thức vô hạn của nhân loại mà đồng thời, qua đó người ta còn được tiếp nhận những chân lí về đời sống. Đây chính là biểu hiện đỉnh cao của hình tượng, là cái đích mà bất cứ người nghệ sĩ nào trong suốt cuộc đời theo đuổi sự nghiệp nghệ thuật, theo đuổi cái đẹp, cái hoàn mĩ của mình cũng muốn đạt được.

**3. Nét đặc trưng của hình tượng nghệ thuật**

**a, Hình tượng nghệ thuật gắn liền với đời sống**

Nhắc đến hai chứ nghệ thuật đôi khi người ta nhầm tưởng nó là hiện thân của những cái hoa mĩ, diễm lệ, của những thứ lãng mạn, viển vông, xa rời thực tế, nhưng thực chất nghệ thuật luôn đi liền với đời thực, nó bám sát cuộc sống, nó dựa hơi người, đời, vật để nảy sinh, tồn tại và trường tồn cùng thời gian. Hơn bao giờ hết, nghệ thuật luôn gần gũi với cuộc đời, sống trong cuộc đời, phát triển theo nhịp sống của cuộc đời như một người bạn đồng hành tận tụy, một người thư ký trung thành của thời đại. Hình tượng nghệ thuật tái hiện cuộc sống nhưng lại không đơn thuần là sao chép y nguyên những hiện tượng có thật mà là tái hiện một cách có chọn lọc, sáng tạo thông qua tài năng và trí tưởng tượng của nghệ sĩ, bằng sự khéo léo và tinh tế của mình, họ biến những sự vật dù tầm thường nhất cũng có thể trở thành các hình tượng đẹp có sức truyền cảm mạnh mẽ, mang những ấn tượng sâu sắc đến với người cảm thụ.

**b, Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất của cái cụ thể, cá biệt, cảm tính với cái khái quát**

Đây là nét đặc trưng tiêu biểu nhất và dấu hiệu dễ nhận biết nhất của hình tượng nhưng đồng thời cũng quan trọng nhất để phân biệt sự khác nhau giữa hình tượng và khái niệm. Mọi sự vật, hiện tượng trong thể giới khách quan đều tồn tại ở dạng riêng biệt, là một cá thể độc lập, cụ thể. Ngay chính bản thân con người cũng tồn tại là những cá nhân cụ thể, độc đáo, không lặp lại. Song không phải vì thế mà chúng sống tách rời, riêng rẽ, mọi sự vật hiện tượng chỉ có tồn tại được khi chúng được đặt trong mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng khác xung quanh (ví dụ: sấm và sét là hai hiện tượng thiên nhiên có tích chất hoàn toàn khác nhau, nhưng sấm sét luôn cùng nhau xuất hiện khi trời mưa lớn). Vì vậy, trong mỗi hiện tượng, sự vật cá biệt đều chứa đựng sự thống nhất giữa hai mặt đối lập nhau: cái chung và cái riêng. Nghĩa là, nó mang những dấu hiệu cụ thể, cá biệt, không lặp lại ở những hiện tượng khác, lại vừa mang những đặc điểm bản chất đại diện cho những hình tượng cũng loại, điển hình cho loại của mình. Để khám phá được quy luật của cuộc sống, nghệ thuật cũng như khoa học, đều không dừng lại ở hiện tượng mà thâm nhập vào bản chất sự vật. Một người nghệ sĩ xuất sắc hay một nhà bác học tài năng cũng đều phải biết nắm bắt những gì chủ yếu thuộc về bản chất của sự vật, hiện tượng, để biết tập trung sự chú ý của mình vào những sự kiện, những quá trình của sự vật, hiện tượng mà trong đó bộc lộ đầy đủ nhất ý nghĩa của đối tượng mình nghiên cứu và khám phá.

Thay vì tiếp cận chân lí bằng cách gặt bỏ những chi tiết cụ thể, cá biệt, những yếu tố ngầu nhiên, tách rời những thuộc tính chung, điển hình của sự vật, hiện tượng ra khỏi những đặc điểm cụ thể, những yếu tố riêng lẻ để đúc kết thành quy luật tổng quát dưới dạng công thức, khái niệm, phạm trù; thì nghệ thuật khái quát chân lí cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật không bao giờ tách khỏi những hiện tượng cụ thể, cá biệt. Nếu như khoa học sử dụng những sự vật, hiện tượng cụ thể chỉ để làm ví dụ minh họa cho các thuộc tính, quy luật được khái quát được rõ ràng và dễ hiểu hơn thì nghệ thuật dùng những hình tượng cụ thể, cá biệt mang tính điển hình để làm đại diện cho cái lớn lao, cái toàn thể. Điều này được thể hiện rất rõ trong lĩnh vực văn học: “Chí Phèo” của Nam Cao là một tác phẩm điển hình với hai hình tượng nhân vật tiêu biểu là Chí Phèo và Bá Kiến. Bằng ngòi bút sắc bén của mình, Nam Cao sử dụng ngôn từ để vẽ lên chân dung Chí – một anh nông dân lành như cục đất, thế nhưng từ bốn bức tường lao lí ra cuộc đời Chí đã trở thành một “con quỷ” của làng Vũ Đại. Chí mang những nét tính cách riêng, cá biệt mà chẳng ai có được: hắn mãi chìm sâu trong cơn say, ngủ trong lúc say. Cứ mỗi lần say là hắn chửi, tiếng chửi của hắn trở thành nỗi ám ảnh trong lòng người đọc. Nam Cao đã xây dựng nhân vật Chí như một chân dung điển hình cho những người nông dân bế tắc lâm vào bước đường cùng để rồi mất dần đi cả nhân hình, nhân phẩm, họ phản kháng lại xã hội, phản kháng lại bất công của cuộc đời bằng con đường lưu manh hóa. Bên cạnh chân dung một anh Chí lưu manh là hình ảnh của Bá Kiến – tên Lý trưởng hách dịch. Nam Cao đã dựng lên chân dung tên địa chủ với những nét vẽ sinh động, đầy ấn tượng và mang tính điển hình cao: giọng quát “rất sang”, “cái cười Tào Tháo”, giọng nói “ngọt nhạt”, những thủ đoạn thống trị khôn ngoan “mềm nắn rắn buông”, “bắm thằng có tóc không ai bám thằng trọc đầu”, bóp người ta thì “chỉ bóp đến nửa chừng”, “hãy ngầm ngầm đẩy người ta xuống sông rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn”,… Tất cả những chi tiết trên đã đủ để Bá Kiến trở thành hình tượng điển hình cho bọn địa chủ, cường hào phong kiến của xã hội cũ với bản chất gian hùng, nham hiểm, độc ác và cáo già.

Từ chính đặc điểm này mà hình tượng nghệ thuật có khả năng tái hiện lại cuộc sống một cách hoàn chỉnh và toàn vẹn. Vậy nên, khi tiếp xúc với những tác phẩm nghệ thuật, ta như được tậm mắt chứng kiến, được tham gia vào câu chuyện đời thực mà tác giả đề cập. Cảm giác này thể hiện càng rõ hơn trong những loại hình nghệ thuật mà hình tượng giàu tính tạo hình, có khả năng tác động trực tiếp  vào giác quan người thưởng thức như: hội họa, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh,… Nhưng riêng với loại hình văn học, người ta không chỉ được sống dậy cảm giác mà còn thức dậy tất cả các giác quan, văn học kéo người ta về quá khứ rồi lại đẩy người ta tiến đến tương lai. Khả năng tác động vào cảm giác con người của văn học có thể nói là vô biên bởi có không có rào cản của không gian, thời gian, hoàn cảnh,… Khi nhận xét về sáng tác của nhà văn hiện thực Nga thế kỉ 19, M.Gorky đã nói về khả năng biểu đạt của văn học như sau: “Ngôn từ của họ đúng là thứ đất sét để từ đó, như những vị thần, ho nhào nặn nên các hình dáng và nét mặt con người, sinh động đến mức lừa được người, đến nỗi khi người ta đọc sách của họ sẽ cảm thấy: tất cả những nhân vật nhờ sức mạnh màu nhiệm của ngôn từ mà trở nên có hồn, đang vậy quanh ta, động chạm vào da thịt ta, ta cảm thụ đến đau đớn nỗi khổ của họ, cười và khóc với họ, căm thù và yêu họ, thấy rõ ánh sáng niềm vui và làn sương mù ẩm ướt u buồn trong mắt họ, ta sống cuộc sống với họ như bạn bè, và tất cả những cái đó dằn vặt ta một cách tuyệt vời như cuộc sống thật vậy, chỉ có điều trọn vẹn hơn và đẹp hơn thật”.

 Bằng những hình tượng cụ thể, sinh động mang tính điển hình, nghệ thuật đã truyền đến con người không chỉ những thông tin, những kiến thức mới mẻ về cuộc sống mà còn đem đến cho họ những xúc cảm mới lạ, gọi dậy những tình cảm thiêng liêng khiến con người ta nghĩ tốt và sống đẹp hơn, có ích hơn.

**c, Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa hai mặt khách quan và chủ quan**

Nghệ thuật là hình ảnh của cuộc sống khách quá được phản chiếu qua đôi mắt chủ quan của người nghệ sĩ đa cảm, tinh tế, sâu sắc. Trong nghệ thuật, yếu tố chủ quan chi phối đến cả quá trình sáng tạo của tác giả, hơn thế tính chất chủ quan còn in dấu rõ nét trên mỗi tác phẩm nghệ thuật, và chính điều đó làm đã làm nên phong cách riêng của người nghệ sĩ. Nghệ thuật phản ánh thế giới khách quan qua cái nhìn chủ quan của người nghệ sĩ. Vì vậy, trong một tác phẩm nghệ thuật luôn có sự hòa quyện không thể tách rời của hai yếu tố khách quan và chủ quan.

Hà Nội – mảnh đất kinh kỳ, niềm tự hào của bao người con đất Việt, đã trở thành đề tài muôn thưở của rất nhiều các nhạc sĩ. Viết về Hà Nội có biết bao tác phẩm đã thành công và trở thành những bài ca bất hủ, đi vào tâm khản người Việt, để rồi mỗi khi nhắc đến hai chữ Hà Nội, người ta nhớ ngay đến những giai điệu quen thuộc ấy, như: Có phải em mùa thu Hà Nội – nhạc: Trần Quang Lộc, thơ: Tố Như Châu; Hà Nội mùa lá bay – Hữu Xuân; Hoa sữa – Hồng Đăng, Hà Nội đêm trở gió – nhạc: Trọng Đài, lời: Chu Lai – Trọng Đài,… Nhưng có lẽ để lại ấn tượng hơn cả là hai tác phẩm: Nhớ mùa thu Hà Nội của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và Hà Nội mùa thu của nhạc sĩ Vũ Thanh. Cùng viết về mùa thu Hà Nội, song với những rung động khác nhau, với những cảm nhận khác nhau, hai nhạc sĩ đã viết nên hai bài hát mang hai vẻ đẹp rất riêng. Mỗi giai điệu cũng vì thế mà có những cách đi vào lòng người bằng các con đường cũng khác nhau. Một Trịnh Công Sơn với “Nhớ mùa thu Hà Nội” buâng khuâng, bồi hồi trong sắc vàng của cây cơm nguội, màu đỏ của cây bàng, màu nâu thẫm của những mái ngói nhà cổ, màu xanh của cốm Vòng. Sắc thu Hà Nội nhẹ nhàng, dịu dàng và đầy quyến rũ. Một Vũ Thanh với “Hà Nội mùa thu”, Hà Nội mang sức sống mãnh liệt của một thủ đô từng trải qua biết bao cuộc kháng chiến trường kỳ với những khó khăn, gian khổ nhưng “vẫn ngát xanh, xanh mùa thu”.

Như vậy, trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, người nghệ sĩ đặt tình cảm chủ quan của bản thân vào trong chính hình tượng mình xây dựng. Hình tượng nghệ thuật do đó không chỉ phản ánh hiện thực mà còn biểu hiện thái độ chủ quan của người nghệ sĩ đối với hiện thực ấy. Đó chính là điểm làm nên sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học.

**d, Hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa lí trí và tình cảm**

So với những hình thái ý thức xã hội khác, nghệ thuật có sức tác động kỳ diệu đến tư tưởng, tình cảm của con người. Sự ám ảnh kỳ lạ của nó có thể khiến cho con người ta dù ở thế hệ nào, thời đại nào, tầng lớp nào cũng đều bị cuốn theo những ấn tượng về xúc cảm đó, để rồi cứ thế say mê, thèm muốn hai chứ “nghệ thuật”. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí trí và tình cảm là nhân tố đưa các tác phẩm nghệ thuật trở thành những kiệt tác trường tồn cùng thời gian. Một tác phẩm càng chứa đựng nhiều cung bậc cảm xúc thì càng dễ đi vào lòng người vì vậy mà càng dễ chiến thắng cái khắc nghiệt của không gian và thoát khỏi quy luật bào mòn của thời gian.

Chắc hẳn không ít người đã từng rơi nước mắt khi đọc những trang văn cảm động viết về cảnh đời bất hạnh, hẳn không ít người thấy bâng khuâng xao xuyến khi nghe một bản nhạc hay về tình quê, tình người, hẳn không ít người phải bàng hoàng, thờ thẫn khi đứng trước những bức tranh làm sống dậy một thời tuổi thơ đẹp đẽ,… Mỗi tác phẩm nghệ thuật đều mang đến cho người cảm thụ chúng những cảm xúc riêng, có quen, có lạ, có tốt, có xấu, điều đó không chỉ phụ thuộc vào cách diễn đạt của người nghệ sĩ mà còn ở cái cách tiếp nhận của mỗi người… Và, mang được cảm xúc của mình truyền đến mọi người, đó chính là thành công lớn nhất của người nghệ sĩ.

Nhắc đến nghệ thuật, người ta nghĩ ngay đến cảm xúc, nhưng không vì thế mà quá đề cao yếu tố tình cảm để rồi coi nhẹ yếu tố lí trí – một phần quan trọng cấu thành nên chỉnh thể tác phẩm nghệ thuật. Lí trí là những nhận thức đúng đắn, sáng suốt về cuộc sống, về thực tại. Lí trí là định hướng cho người người nghệ sĩ, giúp họ không đi trệch khỏi quỹ đạo “nghệ thuật gắn liền với đời sống” trong quá trình sáng tạo của mình. Tình cảm dù có mãnh liệt đến đâu cũng sẽ không đem lại giá trị cho hình tượng nếu nó không được đặt dưới sự kiểm soát của lí trí, không đi theo sự chỉ dẫn của lí trí. Sự chi phối của yếu tố lí trí bộc lộ ở năng lực nắm bắt, phát hiện bản chất của cuộc sống ở tầm khái quát, thể hiện trong việc lựa chọn những chi tiết quan trọng và chủ yếu để xây dựng hình tượng. Hơn nữa nó còn chi phối cả hoạt động hư cấu và tưởng tượng của người nghệ sĩ.

Từ tất cả những điều trên, ta có thể khẳng định một cách khái quát rằng, trong hình tượng nghệ thuật, tình cảm không những đối lập với lí trí mà chúng còn có quan hệ trống nhất chặt chẽ với nhau. Tình cảm được kiểm định bằng lí trí, lí trí mượn tình cảm để đi vào lòng người. Đó là sự kết hợp hoàn hảo giữa tình cảm và lí trí trong một chỉnh thể nghệ thuật

**e, Hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ**

Ước lệ là biện pháp tái hiện sự vật, hiện tượng bằng hình tượng có tính quy ước. Nghệ thuật được hiểu là một cách thức mô phỏng lại cuộc sống. Song, dù phản chiếu cuộc sống chân thực đến đâu nghệ thuật cũng không thể mất đi yếu tố sáng tạo, tưởng tượng trong mỗi tác phẩm mà tất cả những yếu tố ấy gọi chung là tính ước lệ của hình tượng. Không có tính ước lệ, nghệ thuật sẽ chỉ là một bản sao đơn điệu của cuộc sống, sẽ chỉ là cái khuôn đúc khô cứng không có hơi thở của sự sống. Nghệ thuật tái hiện cuôc sống một cách có chọn lọc, có sáng tạo bằng hoạt động hư cấu trông qua trí tưởng tượng của nghệ sĩ. Kết quả của quá trình đó là những hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ. Người nghệ sĩ thực sự tài năng là người có thể mang cả cái hơi thở phập phồng của sự sống vạn vật vào trong tác phẩm của mình.

Cuộc sống luôn vận động và phát triển nó không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, trong khi nghệ thuật lại chịu sự chi phối về giới hạn của ngôn từ. Mà nhiệm vụ của nghệ thuật là phải khái quát được phạm vi rộng lớn của hiện thực cả về chiều rộng và chiều sâu mà vẫn không phá vỡ tính hoàn chỉnh, toàn vẹn của tổng thể tác phẩm. Bởi vậy, sự xuất hiện của tính ước lệ như một lối thoát cho người nghệ sĩ. Bằng hình tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, người nghệ sĩ có thể thả sức sáng tạo. Song, tính ước lệ không đồng nghĩa với việc xa rời thực tế, càng không hề đồng nghĩa với việc xuyên tạc sự thực, chân lí. Ngược lại, nhờ tính ước lệ mà nghệ thuật có thể phản ánh chân thực cuộc sống, nhờ tính ước lệ mà bản chất cuộc sống được thể hiện một cách đầy đủ về cả chiều rộng và chiều sâu.

Xuất hiện khá nhiều và trở thành nét điển hình không thể thiếu, tính ước lệ của hình tượng nghệ thuật trở thành một đặc điểm nổi bật trong văn học cổ Việt Nam. Người xưa thường dùng hình ảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt, cây, cỏ,… để diễn tả ngoại hình, dáng vẻ, cốt cách, phẩm giá của con người. Hình ảnh cây thông (cây tùng) bốn mùa có tán lá xanh tươi, quanh năm đứng vững chãi trên dốc núi cheo leo bất chấp bão bùng sương tuyết là hiện thân cho nhân cách cứng cỏi, bản lĩnh phi thường, khí phách hiên ngang của con người không bị chi phối trước uy quyền, danh lợi. Hay hình ảnh những bông hoa mỏng manh, yêu đuối nhưng thơm ngát, tinh khôi thường để miêu tả người phụ nữ đẹp. Đó là những sáng tạo nghệ thuật có giá trị thẩm mĩ cao. Phương pháp nghệ thuật cổ không miêu tả hiện thực theo dạng tả chân thực, theo thẩm mĩ văn học cổ dùng hình ảnh ước lệ tượng trưng đem lại cho lời văn lời thơ trang nhã, bóng bẩy, súc tích. Ví dụ: Nguyễn Du là một bậc thầy về nghệ thuật dùng hình ảnh ước lệ tượng trưng và điều đó được thể hiện rất rõ trong Truyện Kiều – một kiệt tác của nền văn học Việt Nam. Từ những hình ảnh ước lệ tượng trưng quen thuộc, Nguyễn Du đã chọn lọc một cách tài tình để miêu tả chân dung những nhân vật của mình với nhiều vẻ đẹp khác nhau để lại một ấn tượng sâu sắc trong long người đọc. Chị em Thúy Kiều đẹp trong hai nét đẹp riêng. Một Thúy Vân với:

“Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

Bằng việc sử dụng những hình ảnh ước lệ như: “khuôn trăng”, “nét ngài”, “ngọc”, “mây”, “tuyết”, Nguyễn Du đã vẽ nên chân dung một cô gái đoan trang, phúc hậu được mặt, được cả lòng người, cô gái ấy luôn tạo cho mọi người xung quanh một tình cảm yêu mến, độ lượng. Một Thúy Kiều có nhan sắc không thua kém mà có phần nhỉnh hơn:

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

Những hình ảnh ước lệ như: “làn thu thủy”, “nét xuân sơn” được Nguyễn Du sử dụng để miêu tả ánh mắt, đôi lông mày của người con gái, ông mượn vẻ đẹp của thiên nhiên, cái hoàn mĩ của tạo hóa để diễn tả vẻ đẹp của người phụ nữ. Thay vì lấy “hoa”, lấy “liễu” để “vẽ” nên Kiều, Nguyễn Du để thiên nhiên còn phải ghen tức với vẻ đẹp của người con gái họ Vương, từ đó càng nhấn mạnh vẻ đẹp của Kiều vượt lên cả những chuẩn mực của cái đẹp thông thường, đó là vẻ đẹp “sắc sảo”, “mặn mà” hiếm có trong trời đất. Một Từ Hai – đấng đại trượng phu:

“Râu hùm hàm én mày ngài

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao”

Cách ước lệ “râu hùm”, “hàm én”, “mày ngài”, tác giả dùng để miêu tả vẻ đẹp đường bệ, uy nghi đến phi thường của một nhân vật anh hùng, hiệp sĩ. Đại thi hào Nguyễn Du đã vận dụng nhiều hình ảnh mang tính ước lệ kết hợp với các biện pháp linh hoạt sáng tạo để làm nên một kiệt tác “Truyện Kiều” có sức hút mạnh mẽ, chinh phục độc giả và biết bao thế hệ nhà văn, nhà thơ hậu thế.

Tề Bạch Thạch – một danh họa của Trung Quốc, đã từng nói: “Nghệ thuật hay ở chỗ vừa giống vừa không giống, không giống quá thì dối đời, giống quá thì mị đời”. Hẳn vậy, tính ước lệ của hình tượng cho phép nghệ thuật tái hiện chân thực mà không lặp lại hay sao chép cuộc sống, làm cho hình tượng trở nên sinh động, hấp dẫn, vừa thực lại vừa hư, vừa ẩn lại vừa hiện, khiến ta không thể đồng nhất nó với bản thân cuộc sống. Nhớ tính ước lệ mà hình tượng nghệ thuật mang tính hàm súc cao, nó có thể truyền đạt được những nội dung cuộc sống phong phú trong một bức tranh, một pho tượng, một vở kịch, một bản nhạc, một bộ phim, hay chỉ trong một câu truyện ngắn,…

**f, Hình tượng nghệ thuật mang tính đa nghĩa**

          Nghệ thuật là một trong những lĩnh vực sáng tạo phức tạp nhất của con người để phản ánh thực tại. Sản phẩm của quá trình sáng tạo đó là những hình tượng nghệ thuật  chứa đựng trong bản thân nó sự thống nhất biện chứng giữa các mặt đối lập: hiện thực khách quan hòa nhập với thế giới chủ quan; tình cảm được soi sáng trong lí trí; sự thật cuộc sống được phản ánh trong cái ước lệ, tượng trưng,... Sự thống nhất giữa các mặt đối lập đã làm cho hình tượng nghệ thuật trở thành một tín hiệu đặc biệt chứa đựng những thông điệp về cuộc sống, lưu giữ những tín hiệu chồng chéo về cuộc đời.

Bởi vậy, một hình tượng nghệ thuật có thể đem đến cho người thưởng thức những cách nhìn nhiều chiều, những cách lí giải ở nhiều góc độ khác nhau. Đó chính là tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật. Tính đa nghĩa cũng là một trong những đặc điểm nổi bật làm nên tính khác biết giữa hình tượng nghệ thuật với các khái niệm khoa học. Nếu như khái niệm khoa học chỉ có một nghĩa và phải rõ ràng thì trong nghệ thuật, một hình tượng được coi là điển hình và xây dựng thành công là khi nó có khả năng chứa đựng, bao hàm nhiều tầng nghĩa mà khi càng tìm hiểu người ta càng phát hiện ra những lớp ý nghĩa sâu xa hơn. Đôi khí có những ý nghĩa còn nằm ngoài ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ. Nguyên lí “Tảng băng trôi” của Hemingway là một khẳng định vững vàng cho tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật.

Nhận thấy hội họa cũng không nằm ngoài quy luật đó của nghệ thuật. Một bức tranh cũng có thể truyền tải nhiều ý nghĩa, thông điệp đến người thưởng thức. Dưới đây là một trong những bức tranh tiêu biểu cho dòng tranh siêu thực, The persistence of memory của Dali - danh họa người Tây Ban Nha nổi tiếng thế kỷ 20

Bức tranh là hình ảnh những chiếc đồng hồ méo mó, chảy rữa. Đó có chăng là sự kéo dãn của thời gian, nỗi ám ảnh về sự dai dẳng của thời gian. Như những chiếc đồng hồ kia, vật đo đếm thời gian khi đứng trước cái khắc nghiệt triền miên của thời gian cũng phải chảy rữa thì vạn vật, thiên nhiên, con người hay cả những ký ức sâu sắc nhất cũng sẽ trở nên méo mó, xô lệch trước sự hủy hoạt tàn nhẫn của thời gian. Song, bức tranh còn có thể mang một ý nghĩa khác. Phải chăng được hiểu: thời gian là thứ quý báu mà một khi đã đánh mất sẽ chẳng ai có thể lấy lại được, bởi vậy mà người ta luôn phải nâng niu, trân trọng, tiết kiệm từng giây từng phút của cuộc đời mình để khỏi uổng phí một đời người. Nhưng nếu như thế giới mà không có sự xuất hiện hiện của bóng dáng con người thì mọi thứ, dù quý giá mấy cũng trở nên vô nghĩa. Trái đất sẽ chỉ là một hoang mạc hịu quạnh và thời gian sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa, nó chỉ như những thứ đồ bỏ đi bị vất rải rác mọi nơi và tự nó tan chảy trong chính sự dai dẳng của mình. Để từ đó, người nghệ sĩ đề cao giá trị của con người vượt lên tấc cả.

Đằng sau lớp vỏ bọc vật chất của hình tượng luôn là tầng tầng lớp lớp ý nghĩa sâu sắc, đó là những quan điểm, quan niệm về cuộc đời, đó là những triết lý nhân sinh về con người, là những bài học quý giá về kinh nghiệm sống, là cách đối nhân xử thế… là vô vàn những điều bổ ích khác về đời người. Cái tiềm năng lớn lao ấy chính làm phép màu làm mới nghệ thuật. Theo thời gian, hình tượng có thể cũ mòn nhưng ý nghĩa của nó thì luôn phát triển theo nhịp sống và ngày càng trở nên phong phú, mới mẻ hơn. Điều đó lý giải vì sao có những tác phẩm nghệ thuật cứ trường tồn mãi cùng thời gian mà vẫn không đánh mất đi cái giá trị lớn lao của mình.

Sẽ không có nghệ thuật nếu không có hình tượng. Hình tượng đối với một tác phẩm nghệ thuật cũng như những tế bào đối với một cơ thể sống. Nó không chỉ là phương thức tái hiện thế giới khách quan, là nhân tố góp phần truyền tải thông điệp của tác giả tới mọi người mà còn là tâm hồn, bản ngã của người nghệ sĩ, nó khẳng định phong cách, cái tôi của người nghệ sĩ trên con đường sự nghiệp của mình.